TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-01-2025
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quản

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lộc

Ông Hoàng Tương

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huang, K - Y1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, đoạn A, lô C, Khóm B, thôn K, làng P, huyện C, Đài Loan.

Người đại diện theo ủy quyền để nhận các văn bản tố tụng của Tòa án: Ông Lâm Vũ T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số C, đường N, phường E, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Nguyễn Phương Ngọc T1, sinh 2003.

Địa chỉ: Khu phố A, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông H, K trình bày:

Qua giới thiệu của bạn bè, ông và bà Nguyễn Phương Ngọc T1 quyết định tiến tới hôn nhân, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn, vào Sổ đăng ký kết hôn số 87/2023 vào ngày 13/12/2023.

Thời gian đầu, vợ chồng cố gắng tìm hiểu để có hạnh phúc. Sau khi kết hôn, ông trở về Đài Loan sinh sống, bà T1 ở lại Việt Nam. Ông có làm thủ tục bảo lãnh bà T1 sang Đài Loan sống để xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng chưa hoàn thành thủ tục cấp visa thì ông và bà T1 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bà T1 không làm thủ tục xin phỏng vấn cấp visa.

Sau đó, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt khiến cho cả hai không còn quan tâm lẫn nhau, đến nay tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn. Ông cho rằng, hôn nhân của ông và bà T1 quá vội vàng, hai bên không có thời gian tìm hiểu rõ, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt khó hòa hợp. Do xa cách địa lý, bất đồng ngôn ngữ và phong tục tập quán quả khác biệt, tình yêu của ông và bà T1 không đủ để vượt qua. khó khăn. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Phương Ngọc T1.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông và bà T1 không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân ông và bà T1 không có tài sản chung và nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Phương Ngọc T1 trình bày: Bà và ông H1, K1 - Yuan quen biết nhau qua một người bạn của bà giới thiệu. Bà và ông H1, K1 - Yuan tổ chức đám cưới sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, và đã đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2023 ngày 13/12/2023 của UBND thị xã L. Sau khi kết hôn, bà ở Việt Nam học tiếng Trung Quốc, còn ông H1, Kuo Y về lại Đài Loan (Trung Quốc), thỉnh thoảng ông H1, K - Y1 thăm bà. Đến khoảng tháng 5 năm 2024, giữa bà và ông H1, Kuo - Yuan xảy ra mâu thuẫn, bà cảm thấy bà và ông H1, K1 - Yuan không hợp nhau, không tin tưởng nhau nên bà không muốn qua Đài Loan sống. Do đó, bà không làm thủ tục để xuất cảnh sang Đài Loan. Từ tháng 5/2024 cho đến nay bà và ông H1, K1 - Yuan không liên lạc với nhau, giữa bà và ông H1, K1 - Yuan không còn tình cảm nên nay ông H1, Kuo Y yêu cầu ly hôn thì bà đồng ý.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông H1, K1 - Yuan không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử. Cho đến trước khi nghị án Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, ông H1, K được ly hôn với bà Nguyễn Phương Ngọc T1; về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải

quyết nên không xem xét. Về án phí: ông H1, K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ lời khai của đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nhưng đều có văn bản xin vắng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là đương sự ở nước ngoài, nên căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của ông H1, K1 – Y, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1] Nguyên đơn ông H1, K1 – Y và bà Nguyễn Phương Ngọc T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị xã L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87/2023 ngày 13/12/2023.

Ông H1, K1 – Y1 cho rằng, sau khi kết hôn, ông sống tại Đài Loan, còn bà T1 sống ở Việt Nam. Trong thời gian làm thủ tục bảo lãnh bà T1 sang Đài Loan thì giữa ông và bà T1 xảy ra mâu thuẫn. Từ đó vợ chồng ong không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay ông H1, K1 – Yuan xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Phương Ngọc T1.

[3.2] Theo lời khai của bà Nguyễn Phương Ngọc T1 thì sau khi kết hôn, bà sống tại Việt Nam còn ông H, K sống tại Đài Loan, thỉnh thoảng ông H1, K1 - Y về Việt Nam thăm bà. Khoảng tháng 5/2024, giữa vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn nên bà không làm thủ tục xuất cảnh sang Đài Loan nữa. Từ đó cho đến nay, vợ chồng bà không còn gặp nhau và không liên lạc, quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay, bà không còn tình cảm với ông H1, K - Yuan nên bà đồng ý ly hôn với ông H1, K1 - Y.

[3.3] Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông H, K và bà Nguyễn Phương Ngọc T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông H1, K1 - Y, như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông H, K và bà Nguyễn Phương Ngọc T1 không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H, K khai vợ chồng ông không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí: Ông H, K là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 469, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, và khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 123, khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, K. Ông H, K được ly hôn với bà Nguyễn Phương Ngọc T1.

2. Về án phí: Ông H, K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000476 ngày 21/11/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận. Ông H, K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông H, K vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định.

Bị đơn bà Nguyễn Phương Ngọc T1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Quản